TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoa

Bà Nguyễn Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2023, lời khai ngày 29/5/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị C trình bầy: Chị và anh T chung sống với nhau từ tháng 01 (Âm lịch) năm 1991, vợ chồng không đến UBND xã đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục, cho đến nay thì chị và anh T chưa đăng ký kết hôn. Những năm đầu vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ đến năm 1995 làm nhà ra ở riêng, năm 1997 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè, chị có tham gia thì anh T lại chửi mắng đánh đập, việc anh T chửi mắng đánh đập chị diễn ra thường xuyên nhưng vì các con và cũng mong muốn đến ngày nào đó đó anh T thay đổi tính nết nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng uống rượu, chửi mắng đánh đập chị nhiều hơn, hai bên gia đình nội ngoại có tham gia khuyên bảo nhiều nhưng anh T không thay đổi. Vì không thể chiu đựng được việc anh

T chửi mắng đánh đập, nên từ giữa tháng 02/2022 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 người con là Nông Văn H sinh ngày 06/4/1995 và Nông Văn Đ sinh ngày 28/8/1996. Các con đều đã thành niên, phát triển bình thường cả về trí tuệ và thể chất và tự lao động nuôi sống bản thân. Nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 01/6/2023 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nông Văn T trình bầy: Anh và chị C về chung sống với nhau từ tháng 01 (Âm lịch) năm 1991, anh chị không đến UBND xã đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục, cho đến nay thì anh và chị C chưa đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chung sống sống hòa thuận, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, những năm gần đây, chị C thường xuyên đi chơi đến đêm muộn mới về, anh có tham gia nhưng chị C không nghe nên cũng có lần do bực tức anh có đánh chị C, từ giữa tháng 02/2022 chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị C xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 người con là Nông Văn H sinh ngày 06/4/1995 và Nông Văn Đ sinh ngày 28/8/1996. Các con đều đã thành niên, phát triển bình thường cả về trí tuệ và thể chất và tự lao động nuôi sống bản thân. Nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 98 Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án đúng quy định tại các điều 191 và 195; lập hồ sơ vụ án theo đúng quy định tại Điều 198 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị C, anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1991, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh

mâu thuẫn, từ tháng 02/2022 vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau và không còn tình cảm với nhau nữa. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị C và anh Nông Văn T; miễn án phí cho chị C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nông Văn T. Đây là vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị C và anh Nông Văn T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp vụ án không được hòa giải. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị C và anh Nông Văn T chung sống với nhau từ tháng 01 (âm lịch) năm 1991 cho đến nay vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống như vợ chồng giữa Chị C và anh T đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị C phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2022 cho đến nay và cũng từ đó chị C và anh T không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng do giữa chị C và anh T không có đăng ký kết hôn nên Tòa án căn cứ vào các điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Đặng Thị C và anh Nông Văn T

Về con chung: Chị C và anh T có 02 người con là Nông Văn H sinh ngày 06/4/1995 và Nông Văn Đ sinh ngày 28/8/1996. Các con đều đã thành niên, phát triển bình thường cả về trí tuệ và thể chất và tự lao động nuôi sống bản thân. Chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xứt xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C là dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống ở vùng có điều kiện hoàn cảnh kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận vợ chồng giữa chị Đặng Thị C và anh Nông Văn T.

2. Về án phí:

Chị Đặng Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Đặng Thị C và anh Nông Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (Chị C, anh T);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Hà